

【秋田県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
指 定 野 菜	キャベツ	360	8,950	5,560	99	104	104
	春キャベツ	nc	nc	nc
	夏秋キャベツ	270	6,210	3,360	99	104	104
	冬キャベツ	nc	nc	nc
	きゅうり	267	8,380	6,000	99	96	96
	冬春きゅうり	nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	263	8,130	5,770	99	96	96
	さといも	nc	nc	nc
	秋冬さといも	nc	nc	nc
	その他さといも	nc	nc	nc
	だいこん	555	16,000	7,680	99	104	104
	春だいこん	nc	nc	nc
	夏だいこん	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	463	12,500	4,710	100	104	104
	たまねぎ	nc	nc	nc
	トマト	238	7,980	5,720	99	97	98
	ミニトマト	27	878	646	100	96	98
	加工用トマト	0	25	25	nc	132	132
	冬春トマト	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	nc	nc	nc
	夏秋トマト	237	7,940	5,690	99	97	98
	夏秋ミニトマト	27	872	640	100	96	98
	夏秋加工用トマト	0	25	25	nc	132	132
	なす	395	5,610	1,960	99	102	102
	冬春なす	nc	nc	nc
	夏秋なす	395	5,610	1,960	99	102	102
	にんじん	nc	nc	nc
	春夏にんじん	nc	nc	nc
	秋にんじん	nc	nc	nc
	冬にんじん	nc	nc	nc
	ねぎ	571	13,200	10,600	104	102	102
	春ねぎ	nc	nc	nc
夏ねぎ	170	3,490	3,210	100	96	96	
秋冬ねぎ	379	9,290	7,000	106	105	105	
はくさい	251	6,520	2,310	99	105	102	
春はくさい	nc	nc	nc	
夏はくさい	nc	nc	nc	
秋冬はくさい	240	6,260	2,150	99	105	102	
ばれいしょ	nc	nc	nc	
春ばれいしょ	nc	nc	nc	
秋ばれいしょ	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	36	468	300	95	94	96	
冬春ピーマン	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	36	468	300	95	94	96	

	ほうれんそう	205	1,460	1,110	101	104	104
	レタス(サラダ菜含)	nc	nc	nc
	サラダ菜	nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)	nc	nc	nc
	春サラダ菜	nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)	nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜	nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)	nc	nc	nc
	冬サラダ菜	nc	nc	nc
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
特 定 野 菜	アスパラガス	408	1,350	1,100	100	103	103
	いちご	nc	nc	nc
	えだまめ	1,310	4,060	3,120	101	90	90
	かぶ	nc	nc	nc
	かぼちゃ	364	2,840	1,420	97	99	99
	カリフラワー	28	252	147	100	101	101
	かんしょ	-	nc	nc	-
	グリーンピース	nc	nc	nc
	ごぼう	nc	nc	nc
	こまつな	nc	nc	nc
	さやいんげん	132	626	277	99	92	91
	さやえんどう	99	455	120	99	96	96
	ししとう	3	37	29	100	97	97
	冬春ししとう	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	3	37	29	100	97	97
	しゅんぎく	nc	nc	nc
	しょうが	nc	nc	nc
	スイートコーン	nc	nc	nc
	すいか	436	12,200	10,100	98	98	99
	セルリー	nc	nc	nc
	そらまめ	30	210	176	94	88	88
	ちんげんさい	nc	nc	nc
	にら	nc	nc	nc
	にんにく	55	323	160	100	105	109
	ふき	34	313	223	97	96	97
	ブロッコリー	nc	nc	nc
	みずな	nc	nc	nc
	みつば	nc	nc	nc
	メロン	179	3,330	2,600	97	112	112
	温室メロン	-	-	-	nc	nc	nc
	やまのいも	115	1,250	680	93	100	99
	ながいも	66	825	347	97	105	103
れんこん	nc	nc	nc	

資料: 農林水産省「平成30年産野菜生産出荷統計」及び「平成30年産作物統計」

注: 表中に用いた記号「0」: 単位に満たないもの(例: 0.4ha→0ha)、「-」: 事実のないもの、「...」: 事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」: 計算不能